

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



Thương Nhớ
Lục Nương Dư
Tùng Thiên - Từ Bạch Lạc



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2021
hai • không • hai • một

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Chân Thành tri ơn **SOẠN GIẢ TỪNG THIÊN TỬ BẠCH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 17/05/2021

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

Thương Nhớ

LỤC NƯƠNG ĐỢC

☛ *Kính Dâng Chơn Linh* ☛
Nữ Thánh Jeanne D'Arc
Hồ Thị Hoa, Hoàng Hậu Thời Minh Mạng

@ *Tùng Thiên - Từ Bạch Lạc*



Mục Lục

CHƯƠNG I

LỤC NƯƠNG ĐIỀU-TRÌ-CUNG9

Tiết 1. Nhiệm Vụ Của Lục Nương 9

 Phước Đưa Linh..... 11

 Phước Tiêu Điều 13

Tiết 2. Thi Văn Của Lục Nương 15

Tiết 3. Kinh Đệ Lục-Cửu Do Lục Nương Giảng Cho 22

Tiết 4. Bài Thái Hiến Lễ Lục Nương Điều Trì Cung 22

CHƯƠNG II

JEANNE D'ARC, TÊN KIẾP SANH Ở NƯỚC PHÁP 24

Tiết 1. Thân Thế & Sự Nghiệp (1412–1431)..... 24

Tiết 2. Cái Chết Bất Tử & Phong Thánh 27

Tiết 3. Nhà Thờ Thánh **Jeanne D'arc** Tại Việt Nam 30

CHƯƠNG III

HOÀNG HẬU HỒ THỊ HOA, MỘT KIẾP SANH Ở VIỆT NAM 32

Tiết 1. Thân Thế Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa (1791–1807)..... 32

Tiết 2. Cái Chết Hậu Sản Của Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa..... 33

Tiết 3. Lăng Hiếu Đổng Của Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa 34

CHƯƠNG IV:

VUA MINH MẠNG TRONG BỮU SƠN KỲ HƯƠNG 41



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

CHƯƠNG I LỤC NƯƠNG ĐIỀU-TRÌ-CUNG 六娘遙池宮

TIẾT 1. NHIỆM VỤ CỦA LỤC NƯƠNG

QUA KINH SÁCH CỦA ĐẠO, CHÚNG TA BIẾT CHƠN LINH CỦA VỊ NỮ PHẬT NÀY RẤT CAO TRỌNG. Lục Nương là vị Tiên Nương đứng hàng thứ sáu trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung. Nơi Chánh Điện tại Báo Ân Từ, Lục Nương mặc áo màu đỏ, ngồi bên mặt Đức Phật Mẫu, tay cầm phướn Tiêu Diêu.



(hình minh họa trên internet)

BỮU PHÁP của Lục Nương Điều Trì Cung là phước Tiêu Điều, Phước Truy Hồn.

*Điều Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ Chơn hồn.*

(KINH TÂN ĐỘ).

NHIỆM VỤ: Hướng dẫn các Chơn hồn lên tầng Kim Thiên rồi vào Điều Trì Cung bái kiến Phật Mẫu.

Theo vũ trụ quan của tôn giáo Cao Đài, có 9 tầng Trời (Cửu Trùng Thiên). Kim Thiên ở tầng thứ sáu. Tên của mỗi tầng Trời trong được định rõ trong 9 bài Kinh Tuần Cửu, kể ra sau đây từ thấp lên cao:

- **Tầng Trời thứ 1:** có Vườn Ngạn Uyển.
- **Tầng Trời thứ 2:** có Vườn Đào Tiên của Đức Phật Mẫu.
- **Tầng Trời thứ 3:** tên gọi là Thanh Thiên.
- **Tầng Trời thứ 4:** Huỳnh Thiên.
- **Tầng Trời thứ 5:** Xích Thiên.
- **Tầng Trời thứ 6:** Kim Thiên
- **Tầng Trời thứ 7:** Hạo Nhiên Thiên.
- **Tầng Trời thứ 8:** Phi Tướng Thiên.
- **Tầng Trời thứ 9:** Tọa Hóa Thiên có Điều Trì Cung.

ĐIỀU TRÌ CUNG là cung điện bên cạnh ao Điều Trì, là nơi thường ngự của Đức Phật Mẫu. Bà Bát Nương giảng về Điều Trì Cung như sau:

«Nơi ao Điều Trì có một đài phát hiện Âm Quang, đài ấy thấu lặn Sanh Quang của ngôi Thái Cực rồi đem Dương Quang hiệp với Âm Quang mà tạo nên CHƠN THẦN cho vạn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ. PHẬT MẪU là Đấng nắm Cơ Sanh hóa, thay quyền Chí Tôn, đứng ra thấu cả Thập Thiên

can đem hiệp với Thập nhị Địa chi mà tạo nên vạn vật. Cung Diêu Trì là nơi tạo nên Chơn Thần và thể xác đó vậy...

Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa cho vạn linh; ngoài ra, có hằng hà sa số Phật trông nom về cơ phổ độ mà Quan Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Âm Bồ Tát ngự tại cung Nam Hải ở An Nhân động, còn Diêu Trì Cung thì ở tại Tạo Hóa Thiên. Nơi Cung Diêu Trì còn có một cõi Âm Quang riêng biệt gọi là PHONG ĐỒ đặng giáo hóa các chơn hồn đã bị lạc nẻo trên đường trần. Vậy, vẫn tất hơn, **Diêu Trì Cung là Cơ Sanh hóa vạn linh và vạn vật đó.**”

PHƯỚC TIÊU DIÊU, PHƯỚC ĐƯA LINH

PHƯỚC ĐƯA LINH

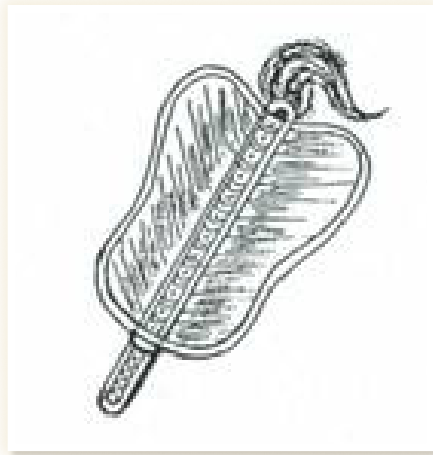
Trong tôn giáo Cao Đài, Phước đưa linh là lá phước trong nghi thức tang lễ thường dùng để đưa linh hồn người chết. Về mặt hữu hình có hai loại phước đưa linh:

- **Phước Thượng Sanh:** dành đưa chơn linh phẩm Lễ Sanh, Chúc việc và Đạo hữu,
- **Phước Thượng Phẩm:** dành đưa chơn linh Chúc sắc hàng Thánh trở lên.

Còn về mặt vô vi có Phước Tiêu Diêu, Phước Tiếp Dẫn dùng tiếp rước Chơn Hồn nơi Cõi Thiêng Liêng.

★ Phước Thượng Phẩm

Phước Thượng Phẩm là cây phước **thuộc chi Đạo** Hiệp Thiên Đài, trên lá phước có thêu hai chữ Thượng Phẩm 上品 bằng chữ Hán, và trên đầu phước có thêu Cổ pháp Thượng Phẩm.



Cổ pháp Thượng Phẩm (Long Tu Phiến và Phất Chủ).

★ **Phướn Thượng Sanh:**

Phướn Thượng Sanh là cây phướn **thuộc chi Thế** Hiệp Thiên Đài, trên lá phướn có thêu hai chữ Thượng Sanh 上生 bằng chữ Hán, và có thêu Cổ pháp Thượng Sanh.



Cổ pháp Thượng Sanh (Cây phất chủ và thư hùng kiếm)

PHƯỚC TIÊU ĐIỀU

Chúng ta chưa biết hình dáng ra sao. Sau khi mất, làm sao nhận biết lá phước này? không biết có giống lá phước treo trước Đền Thánh và đền thờ Phật mẫu?

➤ Mô tả phước Đền Thánh:

Phước Đền Thánh có bề ngang 1 thước 2 tấc (tức 12 tấc), bề dài 12 thước chứa kể những cái thẻ dính thêm phía dưới. Phần dưới có 12 thẻ, mỗi thẻ dài 1 thước 2 tấc

Phước Tòa Thánh được chia làm ba phần từ trên xuống dưới, kể ra như sau:

- **Phần 1:** Phần trên hết là màu vàng, bề dài 1 thước 2 tấc, trên đó có thêu **hình hai con rồng nhìn vào một quả cầu gọi là: Lưỡng Long triều Nhật**, nghĩa là hai con rồng châu mặt Trời.
- **Phần 2:** Phần tiếp theo có bề dài 10 thước 8 tấc, có ba sọc vàng, xanh, đỏ dọc theo bề dài lá phước, mỗi sọc có bề ngang 4 tấc. Sọc màu xanh da trời ở chính giữa, hai sọc vàng và đỏ hai bên. Hai bên bì lá phước có gắn các thẻ, mỗi bên gắn 12 thẻ, mỗi thẻ dài 9 tấc, đuôi nhọn. Thẻ vàng gắn trên hết, kế dưới là thẻ màu xanh, kế dưới nữa là thẻ màu đỏ, thẻ thứ tư thì trở lại màu vàng, rồi xanh, rồi đỏ, cứ thế tiếp tục, đến thẻ chót là màu đỏ.

Trên sọc giữa màu xanh da trời của lá phước có thêu lần lượt từ trên xuống dưới là:

- **Thiên Nhân** với đường nét màu đen.
- **Cổ Pháp Tam Giáo:** Xuân Thu, Phật chủ, Bát Vu, tượng trưng Tôn chỉ của Đạo Cao Đài là “Qui

Nguyên Tam Giáo” Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo.

- **Kế là 6 chữ Hán:** 大道三期普渡 thật lớn, màu vàng, đặt theo chiều dọc là «**Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**». Khoảng trống giữa các chữ Hán có gắn những cái hoa vải ba màu: vàng, xanh, đỏ.
- **Giỏ Hoa Lam:** phía dưới cùng. Ý nghĩa của Hoa là tượng trưng xác thân con người (Tinh). Một giỏ hoa là chỉ toàn thế giới.

Mặt sau lá phướn toàn một màu vàng làm nền. Ở mặt trước, trên nền vàng có 3 màu: vàng, xanh, đỏ tượng trưng Tam Giáo: Vàng tượng trưng Phật Giáo, Xanh tượng trưng Tiên Giáo, Đỏ tượng trưng cho Nho giáo.

➤ **Mô tả phướn Phật Mẫu**



(hình internet)

Phướn dài 9m chưa kể những cái thẻ phía dưới, và có 3 phần:

- **Phần 1:** trên hết, màu vàng, bề dài 9 tấc, trên đó có thêu 2 con phụng châu mặt Trăng, gọi là «**Song phụng triều nguyệt**».
- **Phần 2:** Phần giữa bề dài 8 thước 1 tấc (81 dm), có 3 sọc dài màu vàng, xanh, đỏ, bề ngang mỗi sọc là 3 tấc, sọc xanh ở giữa, và sọc đỏ bên phải. Trên sọc xanh từ trên xuống dưới có thêu:
 - **Thiên Nhãn**
 - **Cổ pháp Tam giáo:** Xuân Thu, Phất chủ, Bát vu.
 - **6 chữ Hán màu vàng:** theo chiều dọc: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 大道三期普渡.
 - Dưới cùng là **Giỏ Hoa lam**.
 - Hai bên bia lá phướn có gắn những thẻ nhỏ, mỗi bên 12 thẻ, mỗi thẻ dài 72 cm, trên lớn dưới nhỏ, đuôi nhọn. Các màu của thẻ theo thứ tự từ trên xuống dưới lần lượt là : vàng, xanh, đỏ; vàng, xanh, đỏ;....
- **Phần 3:** là phần đuôi phướn, gồm 9 thẻ kết vào theo bề ngang của phướn, mỗi thẻ dài 9 tấc, trên nhỏ dưới lớn, đuôi nhọn. Thẻ thứ nhất màu vàng, thẻ thứ 2 màu xanh, thẻ thứ 3 màu đỏ, thẻ thứ 4 trở lại màu vàng...

Mặt sau lá phướn toàn màu vàng. Đặc biệt cột phướn để treo lá Phướn Phật Mẫu trước Báo Ân Từ có hình tròn; còn cột phướn trước Tòa Thánh để treo lá Phướn Tòa Thánh có hình vuông. Ấy cũng là theo lý Âm Dương hoà hợp.

TIẾT 2. THI VĂN CỦA LỤC NƯƠNG

Vào ngày Rằm 15 tháng 8 năm Ất Sửu (Le 1er

Septembre 1925). Ba ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang lập bàn hương án chưng hoa thơm và đốt trầm trọn ngày (nhà số 134 đường Bourdais, Sài Gòn; nay là đường Calmette).

Ba ông vọng bàn xông trầm hương, cầu khẩn từ 10 giờ đêm tới giờ Tý, có bốn Cô giáng cho thơ. Dưới đây là một số bài thơ của Lục Nương:

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ mệt vườn Xuân điểm sắc thu.
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
Sương lỏng ướt đất liễu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi gió thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương đậm vẽ lầu.
Non nước điều hiu Xuân vắng Chúa,
Nhìn quê cảnh úa giục cơn sầu.*

*

*Từ khi hiệp mặt buổi Trung Thu,
Cảm tình nhìn biết đứa em ngu.
Một chung háo nghĩa bằng vàng nén,
Phòng sau hội ngộ chỉ đường tu.*

(23-12-1925)

*Cha chả hèn lâu chẳng viếng thăm,
E chừ huynh trưởng trách em thăm.
Tuy cách xa mặt lòng không cách,
Buồn dở thơ hòa đọc lại ngâm.*

(23-12-1925)

* Trong đêm Hội Yến Điều Trì Cung đầu tiên, Lục Nương

mời ba Thiên sứ cùng xướng họa để dạy Đạo.

Lục Nương:

*Trót đã đeo mang cái nợ đời,
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.*

Cao Quỳnh Cư:

*Oằn vai thân đạo non sông vác,
Chịu kiếp trần ai gió bụi vùi.*

Phạm Công Tắc:

*Thương hải tang điền xem lắm lúc,
Công danh phú quý nhắm trò chơi.*

Cao Hoài Sang:

*Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đôi năm, dễ khó đời.*

Lục Nương:

*Ở thế sao chê tiếng thế buồn,
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong.*

Cao Quỳnh Cư:

*Cân đai tuế nguyệt trên hôn bướm,
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.*

Phạm Công Tắc:

*Chiếc bách đập dôn dòng bích thủy,
Phồn hoa mờ mịt giấc huỳnh lương.*

Cao Hoài Sang:

*Bờ dương chừ đặng phong trần rảnh.
Quỷ gánh thơ đàn đạo bốn phương.*

* *Tòa Thánh, 4-1-Tân Mùi (20-2-1931)*

LỤC NƯƠNG

*Bóng dương tỏ rạng lỗ chân mây,
Đầm ấm hơi Xuân nở mặt mây.
Tranh thế bớt pha lẫn bọn trước,
Cuộc đời thêm rạng vẻ thanh bai.
Trường Tiên mở rộng chơn du khách,
Nẻo hoạn buông khơi trí đặc tài.
Lọc nước rửa đời Trời để dấu,
Riêng che Nam đánh một cân đai.*

* 15-12-Tân Mùi (dl: 22-1-1932)

Các Đấng Thiêng Liêng giao cho Lục Nương Diêu Trì Cung giáng cơ trả lời Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh về tờ Sớ xin làm Cục Lạc Cảnh và Thái Cục Đờ.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng mở đầu, sau đó nương cơ cho Lục Nương.

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

*Mặt nhựt rạng nhờ trời thanh bạch,
Cõi trần may nhờ khách đức dày.
Mùi hương sen Phật đã bay,
Từ bên Đông Á phô bày Tây Âu.
Nước hằng sông rửa bầu thế sự,
Khiến Nguyên Nhân đổi dữ theo lành.
Vạn bang dẹp cuộc chiến tranh,
Lập cơ thoát khổ độ sanh muôn loài.

Kẻ vì mị đoái hoài giả đạo,
Kẻ hay tin quái giáo gây trò.
Nguyên Nhân lỗ bước ai lo,*

**Đon đường Cực Lạc đưa đò mê tân.
Khá hiểu nghĩa Thiên Lâm cho chóng,
Các Nguyên Nhân trông ngóng bấy lâu.
Biết thân lại đợi ai cầu,**

LỤC NƯƠNG tiếp:

Cầm gương thần huệ soi lâu nguyệt quang.

*Dục thế tục an nhàn lấy phận,
Cửa Thiên cơ khởi vấn vương oan.*

*Để chân vào cõi Niết Bàn,
Thoát vòng luân chuyển may dàng tâm duyên.*

*Tu đặng phép nhà Thiên ít kẻ,
Những đam mê theo lẽ dối đời.*

*Sa môn chánh pháp đổi đời,
Con buôn cửa Phạm gạt người thiện tâm.*

*Khá hiểu nghĩa Thiên Lâm cho rõ,
Các thịnh âm chẳng có cửa Không.*

*Bớt điều sắc tướng hoàn vong,
Bớt điều hồ mị nhọc lòng phạn hương.*

*Bớt những lẽ người đương mê tín,
Nhập Tịnh gia cây lịnh Thích Ca.*

*Bớt điều làm sãi bó ma,
Đưa linh lại mượn có nhà minh sanh.*

*Bớt những lẽ giựt giành bái phước,
Lấy Vu Lan đặng được ấm no,*

*Bớt kinh bớt xá dâng thơ,
Mã môn con hát giả đò giải khiên.*

*Bớt cây Phật lập quyền Địa Ngục,
Bớt đồ mưu lấy phục Di-Đà.*

*Bớt phương giải nạn tinh ma,
Lập nên danh phận cho nhà quỷ tăng.*

Thái Thơ Thanh!

*Anh khá kiếm lời răn của Phật,
Lấy từ bi đui dắt sa môn.*

*Phật tăng như xác không hồn,
Lấy câu cứu khổ làm môn độ đời.*

*Anh khá mở cho rồi Cực Lạc,
Lập đường tu cho các chư sơn.*

*Tùng theo Tân Pháp Chí Tôn,
Đường tu của Phật may hườn như xưa.*

*Em nói rõ cho vừa Anh hiểu,
Bác Thiên Lâm, tùng kiểu Tam Kỳ.*

Phép mâu hai chữ Từ Bi.

* Trong đàn đêm 24-2-1934 tại Tòa Thánh, phò loan Hộ pháp - Tiếp thế, Lục Nương giảng cho biết một kiếp của Bà ở nước Pháp là **Thánh nữ Jeanne d'Arc**.

* Trong một đàn cơ khác, vào ngày 22-9-1934, Bà Jeanne d'Arc giảng dạy Đạo cho Bà Perreux, dịch ra Việt ngữ như sau:

“Xin chào nữ đồng bào thân mến của Ta (bà Perreux).

Ta giảng vì các huynh đệ, do lời cầu nguyện thành tâm của các huynh đệ.”

Bà Perreux xin Thánh nữ Jeanne d'Arc giải thích về nền tôn giáo mới có các nữ chức sắc.

– “**Phải. Đây là nền tôn giáo duy nhất ban cho phái nữ một quyền năng tâm linh ngang bằng với phái nam.** Nền đạo này cho thấy một sự công bằng mà đạo Thiên Chúa đã từ bỏ lâu rồi...” (Les messages spirites Tây Ninh 1962 trang 103)

* Lời của Nữ Thánh Jeanne-d’Are rằng: “*La Religion résume en un seul mot: HUMANITÉ. Si vous voulez arriver au but poursuivi que ne faites - vous pour l’ Humanité?*”

(Tôn giáo tóm gọn trong một tiếng: “**Nhân loại**”. Nếu các Anh muốn đi đến mục đích mà các Anh đang theo đuổi, sao các Anh không có ý tưởng nhân loại?)

* Văn Phòng HTĐ, 19-12-Đinh Hợi (29.1.1948).

Chào mấy anh, mấy em. Em đã nghe anh Tiếp Đạo muốn xin hiệu cho mấy anh, vậy em cho bài thi này mấy anh tự biết:

Hạc mây tòng bá khó đăng cơ,
Tên tuổi mấy ai biết đến cho.
Bể hoạn bao giờ an sóng lộ,
Ai nâng thuyền Đạo khá nên dò.

*

Dò lần đường chánh buổi an biên,
Việt quốc từ đây nắm mối giềng.
Tánh cách chỉ huy toàn liệt địa,
Đạo mẫu khôi phục khắp đông kiên.

* Lục Nương Diêu Trì Cung (giáng cơ ngày 13-5-1955):

“**Khi hội tại Ngọc Hư, Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn xin hồi tinh đăng trị oan khí Đức Triều, song chư Thần Thánh Tiên Phật định để dành hoàn thuốc độc được ấy hầu sau làm lửa hồng thiêu tan nước**

Pháp, mất cả thuộc địa và mảnh đất tự do”.

TIẾT 3. KINH ĐỆ LỤC-CỨU DO LỤC NƯƠNG GIÁNG CHO

*Bạch Y Quan mở đàn rước khách,
Cõi Kim-Thiên nhẹ tách Tiên xa,
Vào Cung Vạn-Pháp xem qua,
Cho tường cựu nghiệp mấy tòa Thiên-Nhiên.*

*Cung Lập Khuyết tìm duyên định ngũ,
Lãnh Kim Sa đăng dự Như-Lai,
Minh-Vương Khổng-Tước cao bay,
Đem Chơn-Thần đến tận đài Huệ-Hương.*

*Mùi ngào ngọt thơm luôn Thánh-Thể,
Trừ tiêu tàn ô uế Sanh Quang,
Thiên thiêu trời tiếng nhạc khoan,
Đưa Linh thẳng đến Niết-Bàn mới thôi.*

TIẾT 4. BÀI THÀI HIẾN LỄ LỤC NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

*HUỆ ngào ngọt đưa hơi vò dịu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.
Nương mây như thả cánh hồng,
Tiêu Diêu phát phướn cõi tòng đưa Tiên.*

GIẢI NGHĨA

Câu 1: Huệ ngào ngọt đưa hơi vò dịu.

HUỆ là tên loài bông huệ, một loại hoa rất thơm. Trong kiếp giáng sanh bên nước Pháp (Âu Châu), Bà có tên là Jeanne d'Arc, một Thánh Nữ của nước Pháp rất được dân tộc Pháp sùng kính. Năm 1429, Vua Charles ban tặng cho bà một huy

hiệu quân đội, bao gồm một thanh kiếm được trao vương miện giữa hai đóa hoa huệ (**fleurs-de-lis**). Có phải vì thế mà trong bài thai, Lục Nương bắt đầu bằng câu:

HUỆ ngào ngạt đưa hơi vò diu,



(hình tư liệu internet)

Câu 2: Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.

Đã là người có tài đặc sắc mà lại có dung mạo xinh đẹp và thùy mị.

Câu 3: Nương mây như thả cánh hồng:

Trên mây nhẹ nhàng như cánh chim hồng bay. Cánh của con chim hồng, một loại chim có tài bay cao và bay xa. Lông của chim hồng rất nhẹ. Ý nói người có chí lớn, lúc nào cũng muốn vượt lên. Người mà có chí lớn là tâm hồn biết hướng thiện và hướng thượng. Biết nhận định cõi trần là cõi tạm, các lạc thú ở cõi đời là miếng mồi để đưa con người vào cảnh đoạ. Phải TU để giải kiếp oan khiên và tiến lên cõi Thiêng liêng hằng sống.

Câu 4: Tiêu Diêu phát phươn cõi tòng đưa Tiên:

Lục Nương cầu m phươn Tiêu Diêu phát lên để hướng dẫn chơn hồn đặc đạo lên cõi TRỜI.

CHƯƠNG II JEANNE D'ARC, TÊN KIẾP SANH Ở NƯỚC PHÁP



(hình internet)

TIẾT 1. THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP (1412–1431)

Jeanne d'Arc (E. Joan of Arc) sinh ngày 6 tháng 1 năm 1412 tại Domrémy, xứ Bar (về sau nhập vào tỉnh **Lorraine**, nước Pháp). Gia đình Cô sống tại một vùng đất hẻo lánh thuộc vùng Đông Bắc còn trung thành với triều đình Pháp. Cô cho biết đã nhận được thiên khải đầu tiên vào khoảng năm 1424 lúc 12 tuổi, khi đó cô đang ở ngoài đồng một mình thì nghe thấy tiếng nói (của Thiên Sứ). Cô thuật lại là đã òa lên khóc khi họ biến mất vì họ quá sức đẹp đẽ. Jeanne d'Arc tuyên bố mình được Chúa Trời giao phó trách nhiệm giải phóng nước Pháp.

Nhiệm vụ của Jeanne là phải thuyết phục được Vua Charles VII tin rằng cô có thể cứu nước Pháp. Lúc này Vua Henry VI của Anh và Charles VII đều tuyên bố mình là Vua nước Pháp.

Khi 16 tuổi, cô nhờ một người họ hàng, Durand Lassois, đưa cô đến **Vaucouleurs** để thỉnh cầu chỉ huy đơn vị quân đóng tại đó là Bá tước **Robert de Baudricourt** cho phép tiếp kiến triều đình Pháp tại **Chinon**. Bá tước Baudricourt chế giễu cô, nhưng không làm cô nhụt chí. Tới tháng Giêng, cô trở lại, và lần này nhờ có hai nhân vật quan trọng bảo trợ, cô được gặp Bá tước lần thứ hai, và tiên đoán hết sức chính xác về việc quân Pháp thất trận Herrings gần Orléans. Robert de Baudricourt cấp một toán quân bảo vệ cô đến **Chinon**, sau khi nhận được tin tức từ mặt trận xác nhận lời tiên đoán của cô trước đó. Cô băng qua lãnh địa của phe đối nghịch Burgundy bằng cách ăn mặc giả trai. Tới triều đình, cô gây ấn tượng trong buổi hội đàm kín đến mức vua **Charles VII** phải hết sức kinh ngạc. Ông sau đó cho người thẩm tra lý lịch và giáo lý cô tại **Poitiers**. Cùng lúc đó, mẹ vợ của vua Charles bỏ tiền ra chuẩn bị một đạo quân cứu viện **Orléans**. Jeanne thỉnh cầu được gia nhập đoàn quân và vũ trang như một hiệp sĩ, với áo giáp trắng, ngựa, cờ, thị đồng đều do quyền góp. Sử gia Stephen W. Richey cho biết cô là niềm hy vọng duy nhất của cả một vương triều sắp sụp đổ:

“Sau bao năm thua hết trận này đến trận khác, các lãnh đạo quân sự và dân sự của Pháp đã mất hết tinh thần và uy tín. Lúc mà Dauphin Charles chấp thuận đề nghị khẩn thiết của Joan được phép vũ trang và chỉ huy quân đội, ông hẳn hiểu rằng tất cả mọi phương sách thông thường và hợp lý khác đều đã thất bại. Chỉ có một vương triều ở thế tuyệt vọng cùng cực mới lắng nghe một cô thôn nữ thất học tự xưng mình là

sứ giả của Thượng đế truyền cho mình lãnh đạo quân đội để giành chiến thắng.”

Các học giả hiện đại tập trung vào phiên toà phục hồi danh dự của cô, nhấn mạnh là các sĩ quan tùy tùng rất khâm phục cô như một chiến thuật gia cừ khôi và là một nhà chiến lược giỏi. Ví dụ như Stephen W. Richey cho biết: «*Cô dẫn quân đội đến một loạt chiến thắng ngoạn mục, xoay chiều cuộc chiến.*». Dù thế nào đi chăng nữa, các sử gia cũng đồng ý là quân Pháp giành được nhiều thắng lợi vang dội trong thời kỳ sự nghiệp ngắn ngủi của cô.

“... hồi dân chúng, trong tám ngày, người Thiếu nữ đã đánh đuổi quân Anh khỏi tất cả các đồn lũy của chúng bên bờ sông Loire bằng cách này hay cách khác: chúng hoặc chết hoặc bị bắt, hoặc phải tháo lui trên chiến trường.”

Thư gửi dân chúng Tournai, 25 tháng 6 năm 1429; Quicherat V, trang 125–126, dịch bởi Wikipedia.

Chiến thắng bất ngờ tại Orléans làm quân Pháp phần chấn, rất nhiều người muốn tiến hành chiến dịch phản công quân Anh. Quân Anh dự tính quân Pháp có lẽ sẽ tìm cách đánh chiếm Paris hoặc mở cuộc tấn công vào Normandy. Sau chiến thắng tại Orleans, cô thuyết phục Charles VII giao quyền đồng chỉ huy quân đội cho cô và được nhà vua chấp thuận cho phép cô đánh chiếm các cây cầu bắc qua sông Loire để chuẩn bị tiến đánh Reims. Đây là một kế hoạch táo bạo, vì Reims nằm cách xa gấp đôi Paris, sâu trong lãnh thổ đối phương. Jeanne chưa bao giờ biết đọc, biết viết hay biết đếm. Tuy nhiên, bà lại là một chiến binh khôn ngoan và gan dạ hiếm có. Dưới sự lãnh đạo của Jeanne, phe Orleans

liên tiếp chiến thắng, mở đường cho lễ đăng quang của Vua Charles VII vào tháng 7/1429.

Mùa Xuân năm 1430, Jeanne d'Arc bất chấp thái độ tiêu cực của Charles VII và các tướng lĩnh đã dẫn quân tiến đánh Paris. Không được các cánh quân khác hỗ trợ, cô lâm vào thế đơn độc tác chiến. Thành Compiègne ở miền Bắc nước Pháp bị bọn quý tộc phản động câu kết với quân Anh vây đánh. Jeanne d'Arc mang quân tới cứu viện. Cô bị thất bại, phải tìm cách rút quân vào thành nhưng tên tướng giữ thành sai quân lính đóng chặt cổng không cho vào. Trong khi cô gặp nguy khốn. Charles VII biết tin nhưng bỏ mặc không cho quân đi cứu viện. Sau khi bắt được Jeanne d'Arc, bọn quý tộc phản động đã bán Cô cho quân Anh với giá 10.000 đồng tiền vàng.

Ngày 23/12/1430, chúng giải Cô tới thành Rouen - nơi quân Anh chiếm giữ. Lúc này thông lệ quốc tế không cho phép kết án tù binh, nhưng người Anh đã tìm cách giết Jeanne d'Arc. Chúng dựng chứng cứ giả tạo vu cho Cô là phù thủy. Theo luật Anh hồi đó, ai làm phù thủy sẽ bị đưa lên giàn thiêu.

TIẾT 2. CÁI CHẾT BẤT TỬ & PHONG THÁNH

Quân Anh đưa nữ anh hùng ra xét xử tại một tòa án tôn giáo ở thị trấn Rouen (tỉnh Normandy). Theo lệ thường thì thân nhân có thể dùng tiền để chuộc lại tù binh. Không may là gia đình cô không có tiền. Nhiều sử gia lên tiếng chỉ trích vua Charles VII không làm gì cả để can thiệp. Tòa án cũng vi phạm luật của Giáo hội khi từ chối quyền được có cố vấn pháp lý của Jeanne. Nhiều viên chức tòa án sau này đã làm chứng rằng những phần quan trọng của bản ghi chép đã

được sửa đổi nhằm chống lại Cô. Nhiều giáo sĩ đã bị cưỡng bức tham gia, trong đó có cả quan tòa Jean Le Maitre, thậm chí một số người còn bị chính quyền Anh đe dọa giết. Sau quá trình xét xử kéo dài 4 tháng, phiên tòa xử Jeanne d'Arc với sự hiện diện của 800 binh sĩ Anh và hàng ngàn cư dân địa phương, nữ tướng lừng danh xứ Orléans mới 19 tuổi đã bị quân xâm lược Anh thiêu sống ngày 30 tháng 5 năm 1431. Cuối cùng, quân Anh ném tro xác người nữ anh hùng xuống sông Seine!!!

Jeanne d'Arc trở thành một nhân vật gần như huyền thoại trong suốt bốn thế kỷ tiếp theo. Nhiều bức thư đương thời cũng được tìm thấy, ba trong số đó mang chữ ký “*Jehanne*”, với nét chữ run run của một người đang tập viết. Theo sử gia Stephen Richey, “*Cô đã biến một cuộc chiến giành ngai vàng giữa hai triều đại, khiến nhân dân trở nên vô cảm vì mất mát, thành một cuộc chiến tranh ái quốc được nhân dân ủng hộ.*” “*Cô kiên định, dù bị đe dọa tra tấn và chết trên giàn hỏa, rằng mình được dẫn dắt bởi giọng nói của Thượng đế.*”

Vào năm 1456, người mẹ và hai anh của bà kháng án xin mở lại hồ sơ. Đức Giáo hoàng Callistus III đã chấp thuận. Sau cuộc điều tra của Giáo hội, bà được tuyên vô tội. Để tưởng nhớ cô gái trẻ có tài điều binh khiển tướng, dẫn đầu binh đội Pháp chống lại quân xâm lược Anh, Tòa thánh Vatican, Đức Giáo Hoàng Benedic XV vào năm 1920 đã phong tước Thánh cho Jeanne d'Arc - biến bà thành nữ anh hùng bất tử của dân tộc Pháp. Jeanne d'Arc sau này được nền Cộng hòa Pháp lấy làm biểu tượng «**Người Mẹ Tổ quốc**». Cuộc sống ngắn ngủi nhưng lẫy lừng của nữ anh hùng dân tộc Pháp Jeanne d'Arc luôn được các nhà sử học lỗi lạc nhất dành cho vô số lời ca ngợi và là chủ đề sáng tác cho giới tinh hoa văn hóa nghệ thuật ...



Cảnh hỏa thiêu Jeanne d'Arc - tranh của họa sĩ Đức Hermann Anton Stilke vẽ trong thế kỷ XIX.



Chữ ký trong lá thư cô đọc cho người chép. (từ liệu internet)

Một trong những khía cạnh độc đáo nhất của sự thánh thiện nơi Thánh Nữ Jeanne d'Arc là mối dây kết hợp giữa kinh nghiệm thần bí và sứ mệnh chính trị. Chúa luôn chiếm chỗ quan trọng nhất trong cuộc sống của Bà: “*Phục vụ Chúa chúng ta trước.*” Yêu Chúa có nghĩa là phải luôn luôn vâng theo ý Người.

TIẾT 3. NHÀ THỜ THÁNH JEANNE D'ARC TẠI VIỆT NAM

Đây là một nhà thờ Công giáo tọa lạc tại số 169A đường Hùng Vương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (tên thường gọi là Nhà thờ Ngã Sáu). Nhà thờ được linh mục Gioan Baotixita Huỳnh Tịnh Hương cho xây từ năm 1922 và hoàn thành vào tháng 5 năm 1928, mang tên Thánh Jeanne d'Arc, cũng là Thánh bốn mạng nhà thờ. Đến năm 2005, linh mục Philippê Trần Tấn Bình ở Tây Ninh tặng cho nhà thờ một pho tượng thánh Jeanne d'Arc mặc áo giáp, một tay cầm cờ, một tay cầm gương. Việt Nam lúc đó đang bị người Pháp đô hộ. Hình tượng nữ thánh Jeanne d'Arc cũng là hình tượng bất khuất chống lại ngoại bang xâm chiếm...



hình internet

CHƯƠNG III HOÀNG HẬU HỒ THỊ HOA, MỘT KIẾP SANH Ở VIỆT NAM

360 năm sau khi Jeanne d'Arc mất, Bà Lục Nương Điều Trì Cung có một kiếp giáng trần ở Việt Nam, tên HỒ THỊ HOA.

.....

TIẾT 1. THÂN THỂ HOÀNG HẬU HỒ THỊ HOA (1791–1807)

Bà Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu HỒ THỊ HOA (1791–1807) là người vợ đầu tiên của vua Minh Mạng. Bà sinh ngày 30 tháng 11, 1791, vốn là người huyện Bình An, Biên Hoà (nay là Thủ Đức), con gái của Phúc Quốc Công Hồ văn Bôi (Hồ văn Vui).

Theo “*Đại Nam Liệt Truyện*” thì vào năm Bính Dần (1806), bà Hồ Thị Hoa lên 15 tuổi, có đức hạnh, ăn nói lễ phép dịu dàng, một lòng hiếu kính đối với cha mẹ và người trên (Thục, thận, hiền, trinh), được vua Gia Long và bà Thuận Thiên Hoàng hậu tuyển chọn làm phối thất cho hoàng tử Đảm (sau này là vua Minh Mạng). Khi tấn cung, bà được vua Gia Long và hai bà Thừa Thiên và Thuận Thiên Hoàng hậu rất thương mến.

Vua Gia Long ban cho bà cái tên là *Thật*. Vua dạy rằng: *Phi nguyên có tên Hoa là lấy ý nghĩa ở bốn chữ: “Đặc dĩ phương văn (để truyền hương thơm) sao cho bằng tên “Thật” gồm cả phúc lẫn quả”*.

Ngày 11 tháng 5 năm Đinh Mão (16–6–1807) bà sinh ra Hoàng tử Nguyễn Phúc Tuyên tức là Miên Tông (sau này là vua Thiệu Trị), sinh được 13 ngày thì bà qua đời.

Bà nội là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu đem Hoàng tử vào Cung nuôi dưỡng.

Bà Hồ thị Hoa qua đời lúc còn quá trẻ làm cho vua Gia Long và các Hoàng hậu thương tiếc vô cùng. Vua xuống dụ cấm thần dân không được dùng từ Hoa. Khi gặp từ này phải đọc trại ra là HUÊ, Ba...

Theo “*Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả*” (Hội Đồng Trị Sự Nguyễn Phúc Tộc, Huế, 1994) đã ghi về bà thì: “*Tháng năm, năm Đinh Mão (1807), bà sinh Hiến Tổ Chương Hoàng Đế mới được 13 ngày thì bà mất*”. Bà mất ngày 23 tháng 5 năm Đinh Mão (28-6-1807) lúc mới 16 tuổi.

TIẾT 2. CÁI CHẾT HẬU SẢN CỦA HOÀNG HẬU HỒ THỊ HOA

Vì sao, là một Hoàng hậu với nhiều Ngự Y tài giỏi luôn luôn túc trực sẵn sàng trong Nội Cung mà phải qua đời trong thời kỳ hậu sản, chỉ 13 ngày sau khi sinh con? Chứng bệnh hậu sản gây nên cái chết của bà Hoàng Hậu này là thứ bệnh gì theo lý đoán của Y khoa ngày nay? Một nguyên nhân có thể gây tử vong cho sản phụ vợ vua là “*Chứng nhiễm trùng hậu sản*” (Puerperal Infection).

Theo Bác sĩ Bùi Minh Đức, bàn về nguyên nhân cái chết của bà Hồ Thị Hoa, vợ vua Minh Mạng cách đây 200 năm, chúng ta có thể kết luận như sau: “*Trong khi sinh con, thành tử cung bên trong của bà đã bị làm độc hoặc do đầu bé sơ sinh to, làm rách và vết thương ở hạ bàn của bà không được may lại như ngày nay nên vi trùng đã lọt được vào bên trong để làm độc toàn thân qua đường huyết quản và đường bạch huyết đưa đến tử vong*”.

Vào hồi đó (1807), ở xứ Việt Nam mình chưa có kháng

sinh (Antibiotics) như ngày nay (2008) mà cũng chưa biết đến phẫu thuật may vết thương nên vì thế mọi sự chữa trị các bệnh nhân bị “ *nhiễm trùng hậu sản*” như của bà Hồ Thị Hoa đều là “ *chữa trị cầu may*” (hopeful treatment). Vào thời điểm đó, ngay cả y khoa của các nước tân tiến bên Âu Châu cũng chỉ biết cách giữ sạch các vết thương sau khi “ *may vết thương*” mà thôi chứ họ cũng chẳng có thuốc kháng sinh nào. Tất cả sự thắng bại của cuộc chiến giữa bệnh nhân và vi trùng đều tùy thuộc vào sức đề kháng trong cơ thể của bệnh nhân. Cơ thể của bệnh nhân Hồ Thị Hoa đã cố chống chọi với căn bệnh nhiễm trùng hậu sản trong 13 ngày. Khi vi trùng trong cơ thể của bà đã từ “ *cửa ngõ vết thương*” ở hạ bàn xâm nhập theo đường máu và theo đường bạch huyết để làm độc toàn thân thì cơ thể của bà không còn đủ sức chống chọi và bà đã phải ra đi khi còn quá trẻ.

TIẾT 3. LÃNG HIẾU ĐÔNG CỦA HOÀNG HẬU HỒ THỊ HOA

VUA MINH MẠNG 明命(1791 – 1841), tức Nguyễn Thánh Tổ (阮聖祖), là vị Hoàng đế thứ 2 của triều đại nhà Nguyễn. Tên thật của vua là Nguyễn Phúc Đảm, con thứ tư của vua Gia Long và bà Nguyễn Thị Đang (Thuận Thiên Cao Hoàng hậu). Ông sinh ngày 23 tháng 4 năm Tân Hợi (25-5-1791) tại làng Tân Lộc, tỉnh Gia Định (Vua sinh trong Nam, không phải tại Huế). Vua Minh Mạng lên ngôi vào tháng Giêng năm Canh Thìn (1820), làm vua được 21 năm. Trong thời gian ở ngôi, nhà vua đã có nhiều cải cách quan trọng:

- Cho bỏ các dinh và trấn mà thành lập các tỉnh (cả nước được chia làm 31 tỉnh);
- Định lại quan chế, đặt mức lương bổng của các quan tùy theo ngạch trật;

- Thống nhất việc đo lường và thống nhất y phục;
- Khuyến khích dân khai hoang lập ấp, sửa sang hệ thống giao thông,
- Lập nhà Dưỡng tế ở các tỉnh để giúp đỡ những người nghèo khổ, tàn tật, già cả không nơi nương tựa...
- Đề cao Nho học và khuyến khích nhân tài ra giúp nước là một trong những việc rất được vua Minh Mạng chú trọng. Nhà vua cho lập Quốc Tử Giám, mở thêm kỳ thi Hội và thi Đình (thời Gia Long chỉ có thi Hương).
- Dưới triều Ngài, việc chống lại sự xâm nhập của các nước lân bang đã đạt được thắng lợi rất lớn, bờ cõi nước Nam được mở rộng ra hơn bao giờ hết. Lãnh thổ Việt Nam dưới thời Minh Mạng được mở rộng nhất trong lịch sử và Việt Nam thực sự trở thành một quốc gia hùng mạnh. Vì vậy vào năm 1838, vua Minh Mạng cho đổi tên nước ta là ĐẠI NAM.

Nhưng tình hình trong nước bắt đầu có nhiều khó khăn do các vụ án lớn, các cuộc nổi loạn và đặc biệt là do việc cấm đạo Chúa, không giao thiệp với người nước ngoài. Sự phát triển của cơ nghiệp nhà Nguyễn có nguy cơ bị hạn chế từ đó. Vua Minh Mạng mất ngày 28 tháng Chạp năm Canh Tý (20-1-1841), hưởng thọ được 50 tuổi.

VUA THIỆU TRỊ có tên là Nguyễn Phúc Miên Tông. Ông là con trưởng của vua Minh Mạng và bà Hồ Thị Hoa (Tả Thiên Nhân Hoàng hậu), sinh ngày 11 tháng 5 năm Đinh Mão (16-6-1807) tại ấp Xuân Lộc, phía Đông Kinh Thành Huế. Vua Minh Mạng băng hà, người con trưởng của vua là Hoàng Tử Nguyễn Phúc Tuyên, húy là Miên Tông được di mệnh nối ngôi lấy niên hiệu là Thiệu Trị. Sách nói vua Thiệu Trị là một người hiền hoà, siêng năng cần mẫn nhưng

không có tính hoạt động như vua cha. Mọi việc đều noi theo cũ không có gì đổi mới. Ông có vợ tên Phạm thị Hằng (1810–1901), sinh quán ở Gò Công. Bà thường được biết đến với tôn hiệu là **Từ Dụ hoàng thái hậu** (慈禧皇太后). Ngày 25 tháng 8 năm Kỷ Sửu (22–9–1829), bà sinh người con thứ ba là trai, tên Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, (sau này là vua Tự Đức).

Đức Từ Dụ là một người đôn hậu, hiền hòa, sống đơn giản được mọi người yêu quý, kính trọng. Bà yêu thương dân, hết lòng vì sự hưng thịnh của nước nhà. Bà hằng tu tâm đức, hay khuyên bảo vua Tự Đức trong việc cai trị: *“Người trong họ của mẹ không có công lao gì thì không được ban chức tước. Hễ ai phạm pháp thì cũng bị nghiêm trị như thường để giữ kỷ cương phép nước”*. Với quan điểm rõ ràng như vậy, nạn tham nhũng hối lộ mới giảm hẳn. Tuy quyền cao chức lớn, song tính tình bà đoan chính, thanh tao, giản dị, nhân từ khiến mọi người trong cung ai cũng quý mến và kính trọng. Bà thường hay góp ý với vua Thiệu Trị: *“Làm người ắt phải học, nhiên hậu biết được điều thiện, điều ác. Điều thiện nên phát huy, điều ác nên tránh xa để không sa vào chỗ tà. Sách xưa có câu: Nhân bất học bất tri đạo (người chẳng học chẳng biết đạo lý)”*.

Hoàng Thái hậu Từ Dũ luôn ý thức tự nâng cao kiến thức văn hóa, xã hội bằng cách ham thích đọc sách. Bà trở thành **Hoàng thái hậu** dưới triều vua **Tự Đức** năm **1847**, cho đến khi mất vào năm **1902** dưới thời vua **Thành Thái**. Danh hiệu của bà được đặt cho bệnh viện phụ sản lớn nhất ở **Thành phố Hồ Chí Minh** là **Bệnh viện Từ Dũ**. Đúng ra tên hiệu của bà là Từ Dụ, theo nghĩa chữ Hán là «*nhân từ*» và «*độ lượng*». Nhưng về sau, không hiểu do một sự lầm lẫn nào đó, người ta viết chữ «*Dụ*» thành «*Dũ*» và trở thành thói quen không thay đổi...

Tóm lại, Bà Hồ thị Hoa có chồng là vua Minh Mạng, con là vua Thiệu Trị, dâu là Bà Từ Dụ, cháu nội là vua Tự Đức. Một đại gia đình vọng tộc, đạo đức, hằng lo cho nước Việt, dân Việt vào thời kỳ đó.

Lăng của Bà Hồ thị Hoa được xây dựng vào năm 1841, sau khi vua THIỆU TRỊ lên ngôi. Lăng tọa lạc tại làng Cù Chánh thuộc huyện Hương Thủy, Thừa Thiên.

Đồng thời, vua cũng cho lập nhà thờ tại nguyên quán gọi là HỒ TỘC TỪ ĐƯỜNG ở thôn **Linh Chiểu, huyện Nghĩa An, Biên Hoà** tức là **Thủ Đức** ngày nay, năm 1852 đổi tên là Dũ Trạch Từ.

Lăng Hiếu Đông của mẹ vua Thiệu Trị, cách thành phố có mấy cây số, nằm trong hệ thống các lăng tẩm vua chúa thời Nguyễn, nhưng nay nó xuống cấp đến đau lòng. Thời hoàng kim của triều đại nhà Nguyễn, các bậc vua chúa vẫn thường xuyên viếng thăm lăng. Sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc Sử Quán còn ghi lại: “*Quanh chu vi lăng có đến 40 trụ giới cấm*”.

Ngoài ra, vào năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), nhà vua còn cho dựng ở sát bên sông vào lăng 2 cột hoa biểu để làm mốc báo hiệu khu vực đất thiêng. Năm Tự Đức thứ 24 (1871), triều Nguyễn còn quy định: “*Khi đến trụ gạch (tức cột hoa biểu)... đối với lăng Hiếu Đông... là tại chỗ hôm bờ sông, thì xuống võng, cởi dép đi vào. Người gánh võng, binh lính vẫn ở lại nơi đó, còn kẻ tùy tùng đều đến ngoài mô đất có hàng rào cây thì dừng lại mà chờ. Còn lọng đi theo... đến trụ cấm thì ngừng*”.

Những sử liệu như vậy đã chứng minh danh phận của Bà, nhưng đến nay lăng mộ Bà chỉ còn là một điểm hoang tàn! (theo **Nguyễn Phước Tộc giản yếu**)



(hình internet)

Hiếu Đông Lăng – nơi an nghỉ vĩnh hằng của Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu Hồ Thị Hoa – mẫu thân của vua Thiệu Trị. Đây là một công trình không chỉ độc đáo về mặt kiến trúc mà còn chất chứa tấm lòng hiếu nghĩa của con trai bà – vua Thiệu Trị.

Lo lắng các ngôi mộ và nhà thờ của họ Hồ ở Biên Hòa bị xâm hại, nên xưa kia (1863) vua Tự Đức đã cử Phan Thanh Giản sang Pháp thương thuyết việc chuộc đất, một phần cũng vì điều này. Ngày 15 tháng 3 năm 1874, nỗi lo này một lần nữa đã thể hiện rõ ở điều 5 trong Hòa ước Giáp Tuất, trích:

“Mười một ngôi mộ của họ Phạm (PHẠM ĐĂNG HƯNG ở Gò Công... và ba ngôi mộ của họ Hồ (HỒ VĂN BÔI) ở trong lãnh vực làng Linh Chiểu Tây và Tân Mai (tỉnh Biên Hòa), không được bóc mộ, đào xới, xâm phạm hay đập phá.

Sẽ cấp một lô đất rộng 100 mẫu cho các ngôi mộ nhà họ Phạm và một lô tương đương như thế cho nhà họ Hồ. Hoa lợi thu được trên các lô đất này được dùng để gìn giữ và bảo toàn các ngôi mộ và chu cấp các gia đình lo việc trông nom các phần mộ. Các lô đất được miễn các thứ thuế và những người trong dòng họ Phạm, Hồ cũng sẽ được miễn thuế thân, khỏi thi hành quân dịch hay đi dân công”.

* Phạm Đăng Hưng – ông ngoại vua Tự Đức và là cha của thái hậu Từ Dũ,

Khu đền mộ họ Hồ rộng lớn (khoảng 5.000 m²) xưa kia, ngày nay đã thành phế tích, và nằm lẫn trong khu dân cư ở quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần linh vị vợ chồng Hồ Văn Vân và linh vị vợ chồng Hồ Văn Bôi thì được người dân đưa vào thờ tại đình Linh Chiểu, quận Thủ Đức. Tuy nhiên, khi thực hiện tư liệu phục vụ cho việc chỉnh lý hệ thống trưng bày Nhà truyền thống Thủ Đức thì không còn tìm ra dấu vết bởi quá trình chuyển nhượng đất, xây dựng, đô thị hóa... Họ Hồ ở Linh Chiểu cũng đã dần mai một, khó tìm ra dấu vết của HỒ TỘC TỬ ĐƯỜNG cũng như hậu duệ của họ Hồ ở Linh Chiểu. Hiện tại, di tích hoàng gia “ngoại thích” còn lưu giữ lại đó là di tích đình Linh Tây, nay thuộc

KP.2, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức cũ, nơi đặt bài vị thờ tự chính của họ Hồ. Đình Linh Tây đã được UBND TP.HCM công nhận là di tích **nghệ thuật** theo Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 31.12.2003.

Kiến trúc chính của đình đã có nhiều thay đổi qua hai lần di dời vào năm 1927 và 1930. Vị trí hiện nay cách vị trí cũ khoảng 500 m.



*Đình Linh Tây & Bức trấn phong Đình, Thủ Đức
(hình tư liệu internet)*

CHƯƠNG IV: VUA MINH MẠNG TRONG BỮU SƠN KỲ HƯƠNG

Danh từ Bửu-Sơn Kỳ-Hương là tên một tông phái Việt Nam do Đức Phật Tây An khai sáng. Ngài tên thật là Đoàn Minh Huyền (1807 – 1856), hay Đoàn Văn Huyền, đạo hiệu: Giác Linh. Ngoài vai trò là người sáng lập giáo phái (Bửu Sơn Kỳ Hương) bản địa đầu tiên ở An Giang, ngài còn là một nhà yêu nước, nhà dinh điền đã có công khai hoang nhiều vùng đất ở Nam Bộ (Việt Nam).

Năm 1849, ở Nam Kỳ, xảy ra vụ mất mùa và đại dịch (kéo dài đến 1850), đã làm nhân dân lâm vào cảnh cùng cực, khổ đau và chết chóc. Trong hoàn cảnh ấy, Đoàn Minh Huyền từ Tông Sơn vào Trà Bư (nay thuộc ấp An Thái, xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), rồi đến vùng Kiến Thạnh (xưa thuộc làng Long Kiến; nay thuộc xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), trở tài trị bệnh cho dân. Từ chỗ chữa trị có kết quả, ngài dìu dắt được nhiều bệnh nhân và người thân của họ nghe theo những điều khuyên dạy. Tương truyền, Phật Tây An thường căn dặn các tín đồ và người đến chữa bệnh bằng những câu như sau:

*Dặn cùng già trẻ gái trai,
Giữ lòng niệm Phật lâu dài đừng quên.
Thảo ngay nhưn nghĩa cho bền,
Thờ cha kính mẹ, tưởng trên Phật Trời.
Nói cho lớn nhỏ ghi lời,
Nhứt tâm niệm Phật, Phật Trời độ cho.*

Thấy người tin theo ngày một đông, nên ngay năm ấy (1849), ông đã sáng lập ra đạo BỮU SƠN KỲ HƯƠNG, với tôn chỉ và phương pháp hành đạo rất đơn giản.

Theo truyền thuyết của giáo phái này, thì *Bửu Sơn* (núi báu) là **Thất Sơn**, mà linh thiêng nhất là **núi Cẩm**. *Kỳ hương* tức là mùi hương lạ. *Hội Long Hoa* sau thời Mạt pháp sẽ được **Phật Di-lặc** thành lập ở đó.

Nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có **Sơn Nam** cho rằng đây là lối tu theo thuyết “*vô vi*”, tức là không chú trọng đến hình thức, không dụng tâm bày đặt ra hình tướng rườm rà. Sau này, **đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa** và **đạo Hòa Hảo** chịu ảnh hưởng sâu sắc các yếu lý trên. Có thể nói Phật Thầy Tây An là người thứ nhất báo hiệu và đánh thức người đời rằng thời kỳ Hạ ngươn sắp mãn để bước sang thời Thượng ngươn, tức là thời kỳ Đức Di-lặc hạ sanh lập nên hội Long Hoa

Tại nơi trại ruộng làng Thới Sơn, Phật Thầy có truyền lại một bài sấm ngữ. Đó là bài thi bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương, có liên hệ đến hậu kiếp của vua Minh Mạng và Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Bài thi thất ngôn tứ tuyệt thể khoán thủ tung hoành đọc (đọc hàng ngang, hàng dọc cả bảy chữ đều có ý nghĩa).

**BỬU NGỌC QUÂN MINH THIÊN VIỆT NGUYÊN
SƠN TRUNG SƯ MẠNG ĐỊA NAM TIỀN
KỶ NIÊN TRẠNG TÁI TÂN PHỤC QUỐC
QUÂN XUẤT TRÌNH SANH TẠO NGHIỆP YÊN.**

Cứ theo chiều dọc đọc xuống, chúng ta sẽ có một bài thơ bảy câu bốn chữ:

*Bửu- Sơn Kỳ-Hương,
Ngọc Trung Niên Xuất,
Quân Sư Trạng Trình.
Minh Mạng Tái Sinh.
Thiên Địa Tân Tạo.*

Việt Nam Phục Nghiệp.
Nguyên Tiên Quốc Yên.

Mỗi câu đều có nghĩa, mặc dù trong đó chứa nhiều ẩn tự ẩn ngữ, cần phải hiểu cách chiết tự đảo cú mới khám phá được lý diệu mầu huyền bí. Các vua, chúa, danh nhân, danh tướng của nước Việt, nhất là từ thế kỷ 15 trở lại đây sẽ được tái sinh để lập công, đem nước Việt trở thành một quốc gia kiểu mẫu về văn hóa và đạo đức.

Do có duyên nghiệp với Việt Nam, cụ thể là việc cấm truyền đạo Thiên Chúa, xử oan cho gia đình Đứk Tả Quân Lê văn Duyệt, nên theo Phật Thầy Tây An, vua Minh Mạng sẽ tái kiếp làm một Minh Vương cho nước Việt sau này; cùng với quốc sư là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Một thời kỳ mới sẽ làm rạng rỡ cho non sông nước Việt.

Ai có lòng với tiên nhân xin cùng nhau đóng góp, gìn giữ lăng mộ tổ tiên, trong đó có lăng vua Minh Mạng và hoàng hậu Hồ thị Hoa (một kiếp của Lục Nương).

Cả hai kiếp giáng trần làm **Jeanne d'Arc** và **Hồ thị Hoa** đều chết rất trẻ (19 tuổi và 16 tuổi). Đó là vì làm xong nhiệm vụ nên cả hai trở về sớm, không nợ nần gì nhau nơi cõi thế này. Nếu sau này linh hồn của vua Minh Mạng tái kiếp ở Việt Nam, không biết Lục Nương có chiết chơn linh cho một người theo giúp Ngài không?

Quý tín hữu vùng THỪA THIÊN, HUẾ nên để tâm nghiên cứu thực trạng lăng Hiếu Đông của Hoàng Hậu Hồ thị Hoa để chăm sóc cho sạch đẹp. Tộc đạo Huế có thể liên lạc với Nguyễn Phúc Tộc để cùng cúng giỗ Bà vào ngày 23 tháng 5, giống như chúng ta đã chăm sóc, gia cố mộ và cúng giỗ Cửu Nương Diêu Trì Cung ngày 27-5 hàng năm (mộ

Cửu Nương thuộc khóm 7, phường 5, thị xã Bạc Liêu).

Công đức thật đáng ghi. Hy vọng các vị sẽ tạo duyên lành nối kết đối với vị Minh Vương của nước Việt sau này.



VUA MINH MANG
TÂN HỢI (1791-1841)



VUA THIỆU TRỊ
(1807-1847)

(hình internet)

Thương Nhớ
LỤC NƯƠNG DTC
Tùng Thiên - Từ Bạch Lạc